

Số: 57/2022/QĐST-HNGĐ

Hoàng Su Phì, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phụng Mùi N, sinh năm 1997; số thẻ căn cước công dân: 002197008xxx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện P, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh Vương Tiến Đ, sinh năm 1995; số chứng minh nhân dân: 0733672xxx do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 12/01/2021; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện P, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phụng Mùi N và anh Vương Tiến Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phụng Mùi N và anh Vương Tiến Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Vương Bình A sinh ngày 18/11/2018. Sau khi ly hôn, chị Phụng Mùi N là người trực tiếp nuôi

đưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A đến khi cháu A trưởng thành. Anh Vương Tiến Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:* Chị N và anh Đ không có tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. *Về án phí:* Chị Phượng Mùi N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo biên lai số 0008083. Trả lại cho chị Phượng Mùi N số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7^b của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện HSP;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Phương